

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **85/2018/HS - ST**
Ngày: 11 - 06- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Chương**

Các Hội thẩm nhân dân : **1. Ông Vũ Văn Thang**

2. Ông Bùi Xuân Đăng

Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội**

Đại diện VKSND huyện Thanh Trì - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thúy Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 06 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2018/TLST - HS ngày 09/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2018/QĐXXST - HS ngày 11/5/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/HSST – QĐ ngày 25/5/2018 đối với bị cáo:

VŨ ĐỨC C, sinh năm 1986; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn T, xã N, huyện T, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn Đ và bà Vũ Thị Y; có vợ là Nguyễn Thị H; Tiền án: 02 tiền án: Ngày 29/12/2008, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, TP Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 (bản án số 236/HSST) đã xóa án tích, Ngày 29/11/2011, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội xử phạt 32 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 (bản án số 502/HSST) ra tù ngày 30/01/2014 đã xóa án tích; Tiền sự: 01 tiền sự: Năm 2003 Công an xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích (đã hết thời hiệu bị coi là xử lý hành chính); Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/03/2018; Danh, chỉ bản số 0125 lập ngày 02/3/2018 tại Công an huyện Thanh

Trì; Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 - Công an thành phố Hà Nội (có mặt).

Bị hại: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1984.

Trú tại: Xóm 9, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Bùi Đức T, sinh năm 1983.

Trú tại: thôn T, xã N, huyện T, Hà Nội (vắng mặt).

- Ông Trần Duy T, sinh năm 1962.

Trú tại: thôn 1, xã Đ, huyện T, Hà Nội (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 27/02/2018, Vũ Đức C đi xe đạp kiểu dáng xe mini, màu trắng (C mượn của chị Vũ Thị S SN: 1964, HKTT: xã N, huyện T, Hà Nội) đến thôn T, xã N, huyện T, Hà Nội để trộm cắp tài sản. Khi đến thôn T, C phát hiện một khu trọ vắng người, C đi xe vào bên trong khu trọ thấy phòng trọ cuối cùng của anh Trần Văn Đ (SN: 1984, HKTT: xã H, huyện H, tỉnh Nam Định) không khóa cửa phòng, quan sát xung quanh thấy không có người, C đi vào trong phòng lục soát tài sản để trộm cắp. Khi lục soát tủ quần áo C lấy được một chiếc túi xách màu đen bên trong có 01 máy tính xách tay hiệu Dell E6410 màu ghi xám cùng phụ kiện bao gồm chuột, sạc pin và đèn led, tiếp đó C lấy 01 chiếc điện thoại Nokia Lumia 630 màu đen ở bàn cạnh giường ngủ. Sau khi trộm cắp được tài sản trên, C đi ra ngoài khóa cửa lại. Sau đó, C mang máy tính xách tay cùng phụ kiện vừa trộm cắp được đến bán cho anh Bùi Đức T (sinh năm 1983, HKTT: thôn T, xã N, huyện T, Hà Nội) được 1.800.000 đồng; bán chiếc điện thoại Nokia Lumia 630 màu đen cho anh Trần Duy T (SN: 1962, HKTT: xã Đ, huyện T, Hà Nội) được 200.000 đồng. Số tiền bán tài sản trộm cắp được C đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất số tài sản trên, cùng ngày 27/2/2018 anh Đ đã viết đơn trình báo gửi Công an huyện Thanh Trì.

Ngày 01/3/2018, Vũ Đức C đến Đồn Công an Ngọc Hồi - Công an huyện Thanh Trì đầu thú và khai báo về hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 44/KLĐG ngày 08/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Trì kết luận: 01 chiếc máy tính xách tay hiệu Dell E6410 màu ghi xám đã qua sử dụng cùng phụ kiện chuột, túi xách, sạc pin và đèn led có giá trị là 3.500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại Nokia Lumia 630 màu đen đã qua sử dụng có giá trị là 500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 4.000.000 đồng.

Ngày 01/3/2018, anh Bùi Đức T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Trì 01 chiếc máy tính xách tay hiệu Dell E6410 màu ghi xám đã qua sử dụng cùng phụ kiện chuột, túi xách, sạc pin và đèn led. Anh T không yêu cầu, đề nghị gì về bồi thường dân sự đối với số tiền 1.800.000 đồng đã mua chiếc máy tính trên của C.

Đối với chiếc điện thoại Nokia Lumia 630 màu đen đã qua sử dụng anh Trần Duy T đã bán cho người khác nên hiện không thu hồi được.

Đối với chiếc xe đạp kiểu dáng mini, màu trắng. Qua điều tra xác định là tài sản của chị Vũ Thị S. Khi cho C mượn xe, chị S không biết sau đó C sử dụng để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Trì không đề cập xử lý gì đối với chị S và đã trả lại chiếc xe đạp trên cho chị S. Chị S đã nhận lại xe và không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự.

Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Trì đã trao trả cho anh Trần Văn Đ 01 chiếc máy tính xách tay hiệu Dell E6410 màu ghi xám đã qua sử dụng cùng phụ kiện chuột, túi xách, sạc pin và đèn led. Riêng đối với chiếc điện thoại Nokia Lumia 630 không thu hồi được, anh Đ không yêu cầu C phải bồi thường.

Đối với anh Bùi Đức T và anh Trần Duy T: khi anh T mua chiếc máy tính xách tay hiệu Dell E6410 cùng phụ kiện, anh T mua chiếc điện thoại Nokia Lumia 630 của C, các anh đều không biết đó là tài sản do C phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Thanh Trì không đề cập xử lý gì đối với anh T và anh T.

Bản cáo trạng số 69/CT - VKS ngày 09/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì đã truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà:

* Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản là đúng. Khi được nói lời sau cùng bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt do hoàn cảnh gia đình bị cáo có nhiều khó khăn, bản thân bị cáo đang bị bệnh lao kháng thuốc.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 ; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 ; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù.

- Buộc bị cáo phải truy nộp sung công số tiền 2.000.000 đồng có được từ việc bán tài sản trộm.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Trì, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản có đủ cơ sở xác định: Khoảng 9h ngày 27/02/2018, tại phòng thuê trọ của anh Trần Văn Đ ở thôn T, xã N, huyện T, Hà Nội. Vũ Đức C đã có hành vi trộm cắp của anh Trần Văn Đ 01 chiếc máy tính xách tay hiệu Dell E6410 màu ghi xám đã qua sử dụng cùng phụ kiện gồm: chuột, sạc pin máy tính, túi xách và đèn led có giá trị 3.500.000 đồng và 01 chiếc điện thoại hiệu Nokia Lumia 630 màu đen đã qua sử dụng có giá trị là 500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản C trộm cắp được là 4.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố bị cáo ra trước Tòa án để xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý. Bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý lo lắng hoang mang trong quần chúng nhân dân, do đó cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo. Để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm và bảo đảm trật tự trị an xã hội cần phải nghiêm trị, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo bị cáo và giáo dục phòng ngừa chung cho mọi người.

Đối với chị Vũ Thị S khi cho C mượn xe đạp chị S không biết C dùng vào việc trộm cắp tài sản, anh Bùi Đức T và anh Trần Duy T khi mua máy tính, điện thoại do C bán các anh đều không biết đó là tài sản do C phạm tội mà có. Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Thanh Trì không đề cập xử lý gì đối với chị S, anh T, anh T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Bị cáo đã ra đầu thú tại cơ quan công an nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Về nhân thân bị cáo: Bị cáo có 02 tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy vào năm 2008, 2011 và 01 tiền sự về hành vi cố ý gây thương tích năm 2003. Mặc dù các tiền án này đều được xóa án tích, tiền sự đã hết thời hiệu bị coi là xử lý hành chính nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, liên tục phạm tội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015: «*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*». Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về dân sự:

Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Trì đã trao trả cho anh Trần Văn Đ 01 chiếc máy tính xách tay hiệu Dell E6410 màu ghi xám đã qua sử dụng cùng phụ kiện chuột, túi xách, sạc pin và đèn led; Riêng đối với chiếc điện thoại Nokia Lumia 630 không thu hồi được, anh Đ không yêu cầu C phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Vũ Thị S đã được cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Thanh Trì trả lại chiếc xe đạp chị S cho C mượn. Chị S đã nhận lại xe và không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Bùi Đức T đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Thanh Trì và không yêu cầu, đề nghị gì về bồi thường dân sự đối với số tiền 1.800.000 đồng trả C nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về áp dụng biện pháp tư pháp: Sau khi trộm cắp tài sản, bị cáo bán tài sản trộm cắp được 2.000.000 đồng và đã ăn tiêu hết số tiền này, đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo phải truy nộp sung công quỹ nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án theo Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Đức C phạm tội «Trộm cắp tài sản».

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 :

Xử phạt : Bị cáo Vũ Đức C **08 (tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 01/3/2018.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015: Buộc bị cáo truy nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 2.000.000 đồng.

4. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo : Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Thanh Trì, TP Hà Nội;
- Công an huyện Thanh Trì, TP Hà Nội;
- Trại tạm giam số 01 – Công an thành phố Hà Nội;
- Cơ quan Thi hành án hình sự H. Thanh Trì, TP Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Thanh Trì, TP Hà Nội;
- Bị cáo.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Chương